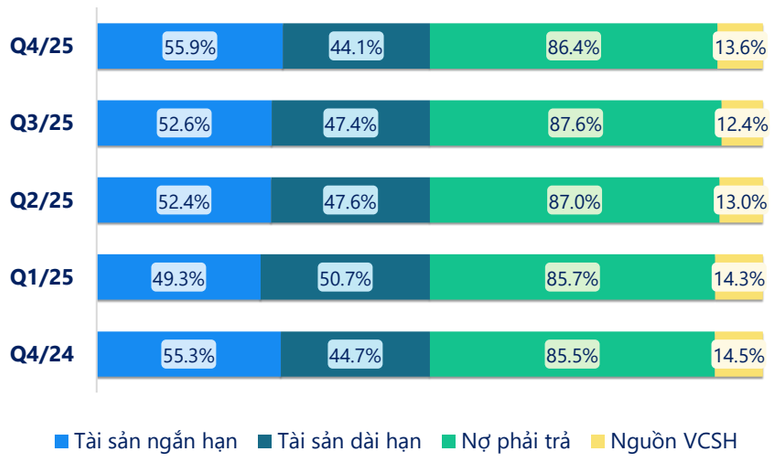
CTCP Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành (HSX: TTF)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	3,100
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	4,060
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	2,340
SL cổ phiếu LH	393,532,487
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,123,930
% sở hữu nước ngoài	5.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,220
P/E	81.1
EPS	38

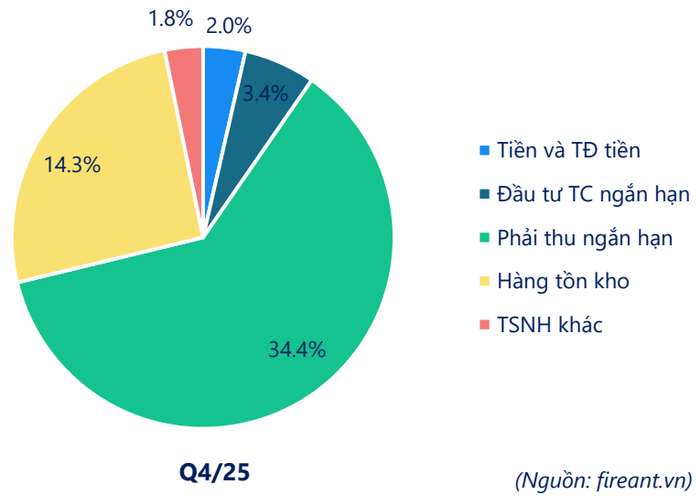
	YTD	1T	3T	6T
TTF	-3.1%	-3.7%	2.6%	6.5%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



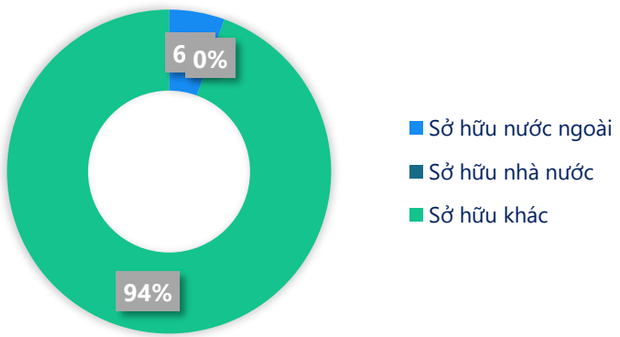
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



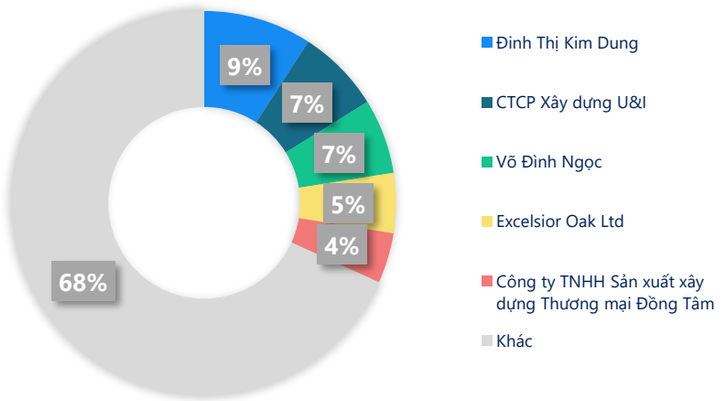
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



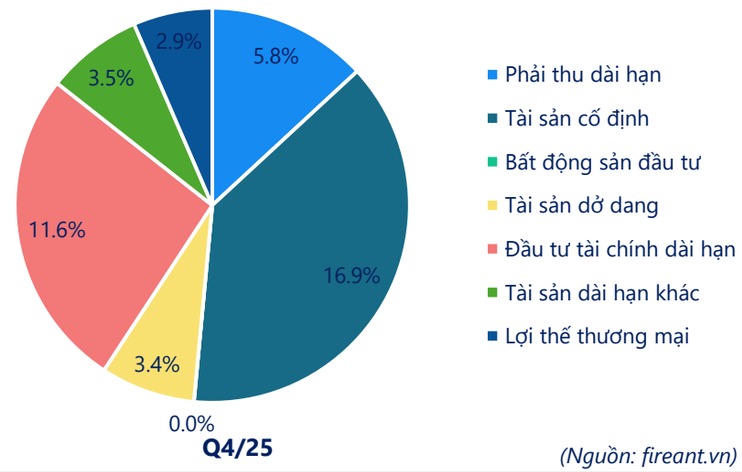
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

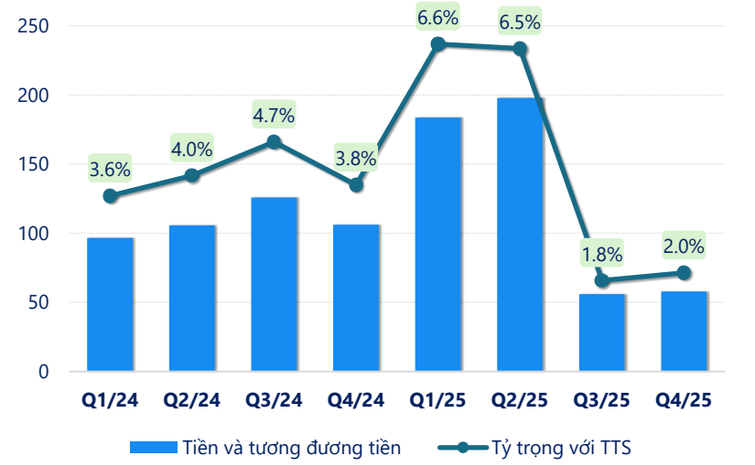


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

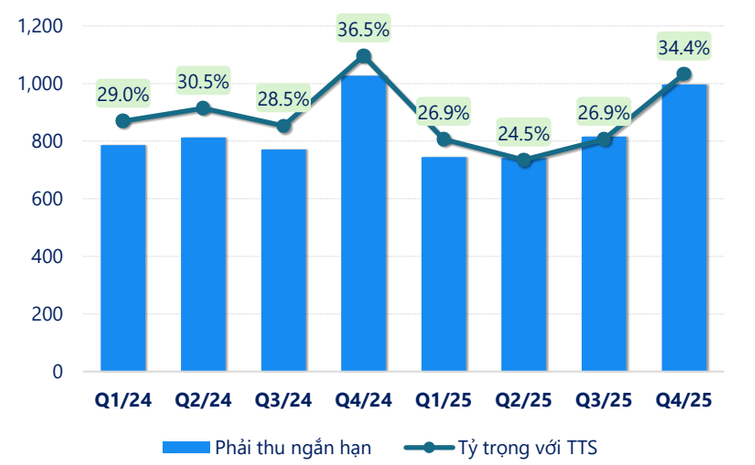
CTCP Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành (HSX: TTF)

Tiền và tương đương tiền



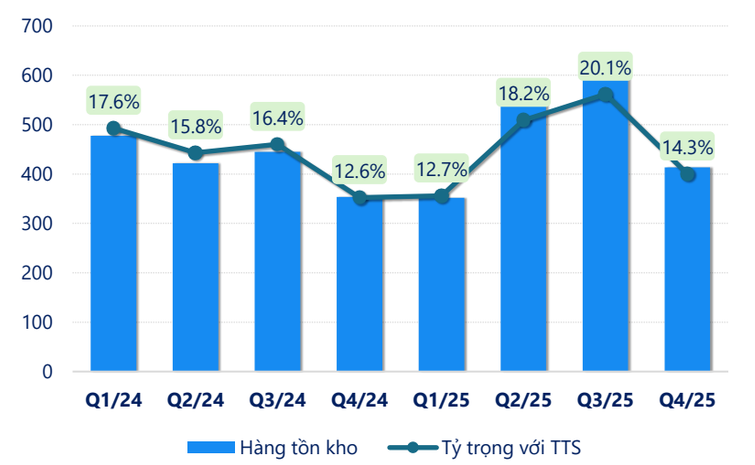
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



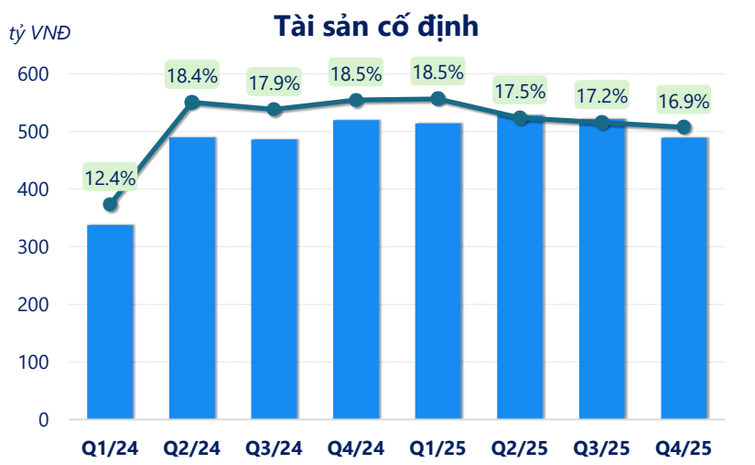
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



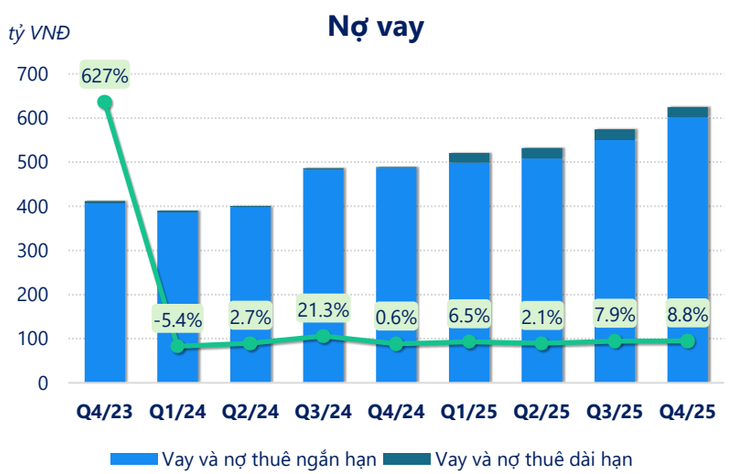
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



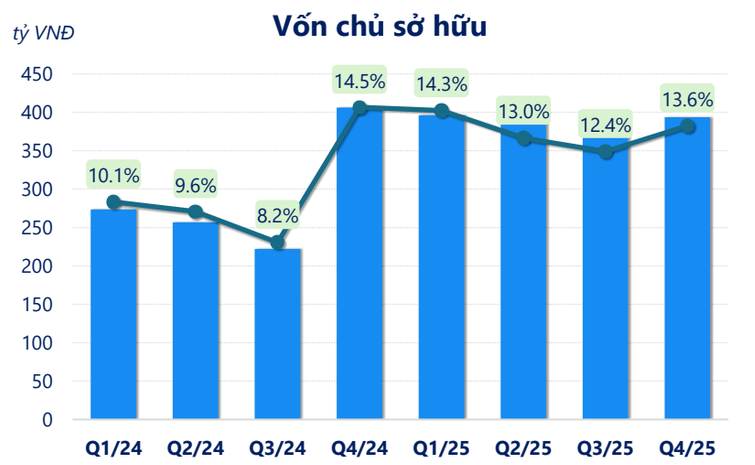
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

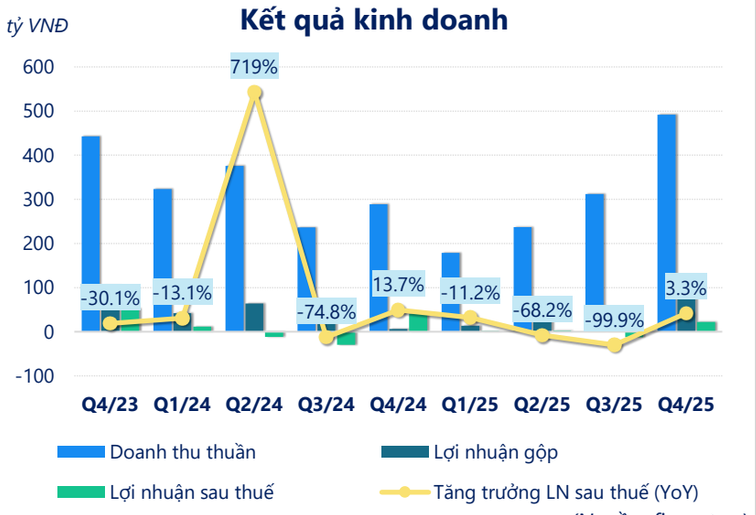


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

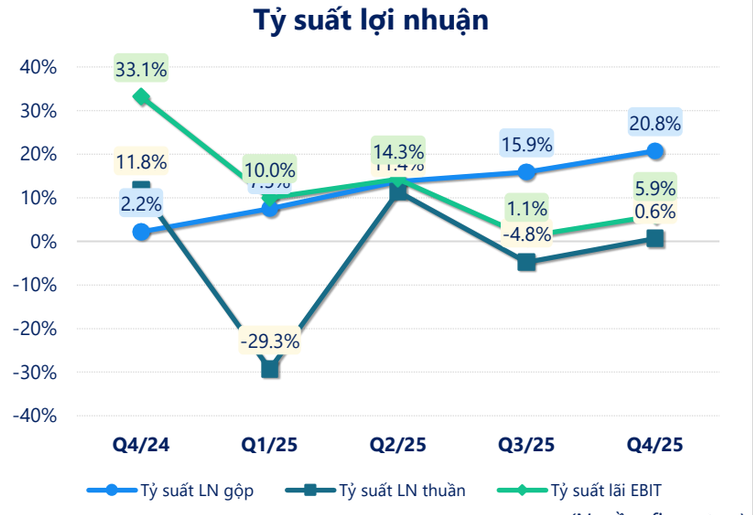
CTCP Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành (HSX: TTF)

Kết quả kinh doanh



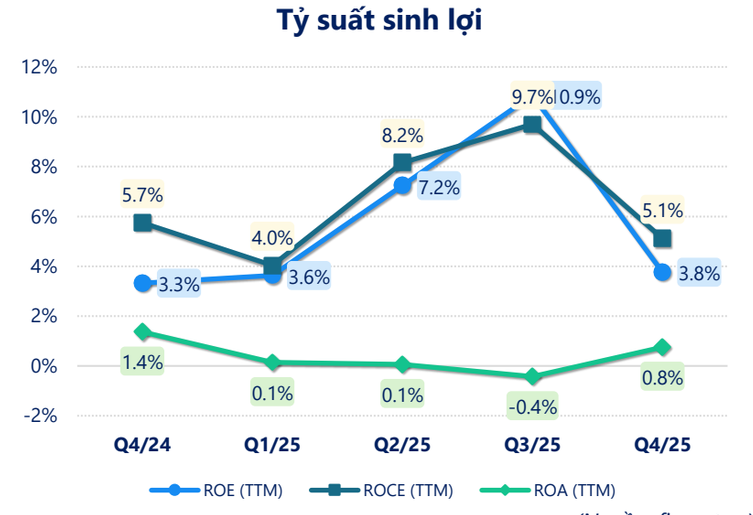
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



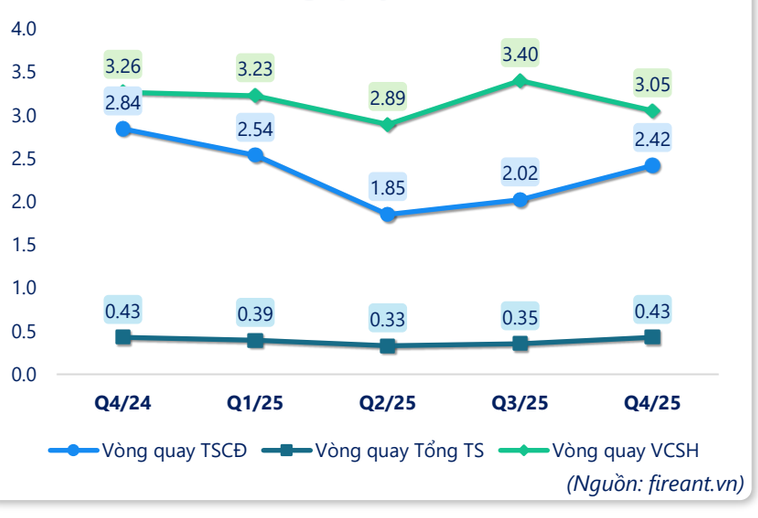
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



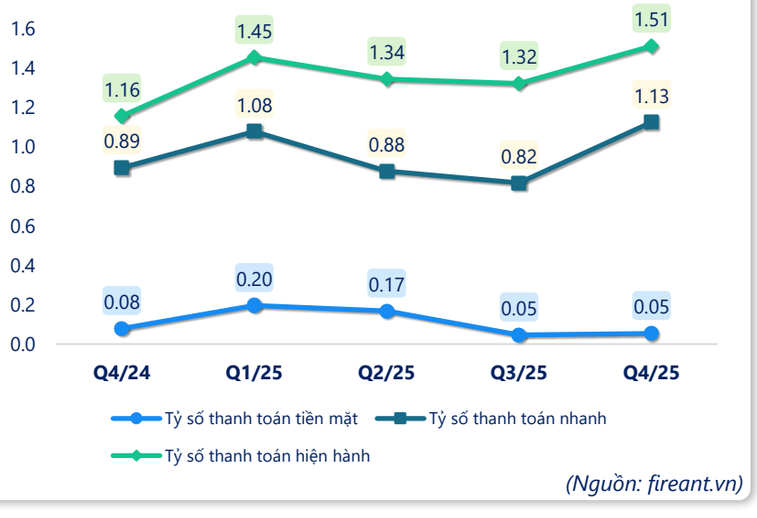
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



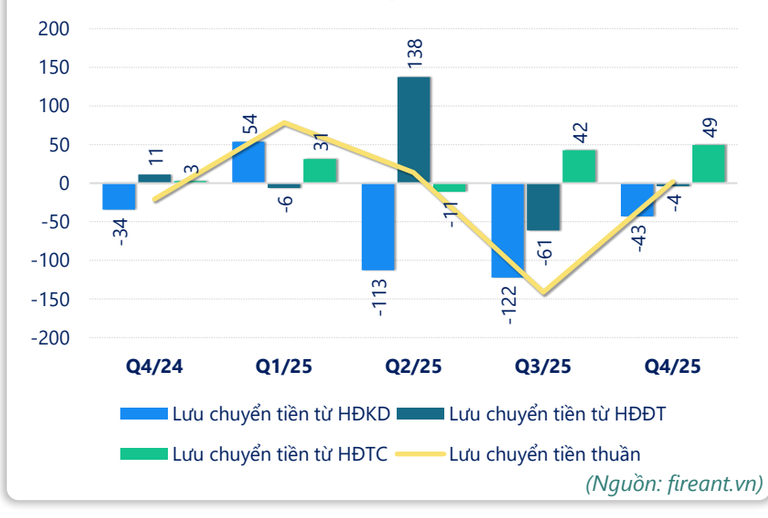
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Tập đoàn Kỹ nghệ Gỗ Trường Thành (HSX: TTF)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,894**	**2,792**	**3.6%**
Tài sản ngắn hạn	1,619	1,361	19.0%
Tiền và tương đương tiền	57.8	105	-44.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	97.9	16.3	500%
Phải thu ngắn hạn	997	867	14.9%
Hàng tồn kho	414	338	22.5%
Tài sản ngắn hạn khác	52.3	34.2	52.8%
Tài sản dài hạn	**1,275**	**1,432**	**-10.9%**
Phải thu dài hạn	167	179	-6.3%
Tài sản cố định	489	515	-5.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	98.9	112	-11.5%
Đầu tư tài chính dài hạn	336	379	-11.2%
Tài sản dài hạn khác	**101**	**144**	**-30.0%**
Lợi thế thương mại	82.7	104	-20.3%
Nợ phải trả	2,500	2,393	4.5%
Nợ ngắn hạn	**1,071**	**956**	**11.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	601	467	28.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	186	214	-13.1%
Nợ dài hạn	1,429	1,436	-0.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	23.8	22.8	4.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**394**	**400**	**-1.6%**
Vốn chủ sở hữu	**393**	**400**	**-1.6%**
Vốn điều lệ	4,112	4,112	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0.03**	**0.03**	**0.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	289	179	237	312	491
Giá vốn hàng bán	283	165	205	262	389
Lợi nhuận gộp	6.32	13.3	32.6	49.7	102
Doanh thu HĐTC	81.1	5.26	72.8	4.40	-2.70
Chi phí TC	18.2	17.6	19.5	15.1	22.5
Chi phí lãi vay	55.0	16.3	17.8	15.9	19.3
LN trong công ty LKLD	-1.07	0.26	3.80	1.59	-3.57
Chi phí bán hàng	29.8	26.3	33.6	28.4	28.4
Chi phí QLDN	4.33	27.3	29.1	27.0	41.7
LN thuần từ HĐKD	34.1	-52.4	27.0	-14.9	3.17
Lợi nhuận khác	6.68	53.9	-11.0	2.41	6.51
LN trước thuế	40.8	1.52	16.1	-12.4	9.68
Lợi nhuận sau thuế	40.7	1.58	3.20	-12.3	22.4
LNST của CĐ cty mẹ	39.1	3.78	1.85	-12.2	21.6

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-34.5	53.6	-113	-122	-43.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	11.1	-6.36	138	-61.2	-4.16
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	2.67	31.2	-11.2	42.5	49.4
Tiền đầu kỳ	126	105	184	198	56.0
Lưu chuyển tiền thuần	**-20.7**	**78.5**	**13.8**	**-141**	**1.97**
Ảnh hưởng tỷ giá	0.91	0.49	0.37	-0.79	-0.11
Tiền cuối kỳ	106	184	198	56.0	57.8

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic